

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đính kèm như được trình bày từ trang 4 đến trang 54 (sau đây gọi tắt là “các báo cáo tài chính”). Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám Đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV





Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2009

Bảng cân đối kế toán

ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	Năm 2008 triệu đồng	Năm 2007 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt tại quỹ	3	173.943	149.751
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	597.642	365.006
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	5	2.441.272	5.643.866
Chứng khoán kinh doanh	6	14.549	35.519
Chứng khoán kinh doanh		36.870	48.455
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(22.321)	(12.936)
Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	7	884	-
Cho vay khách hàng		6.457.751	6.820.285
Cho vay khách hàng	8	6.538.980	6.878.134
Dự phòng rủi ro tín dụng	9	(81.229)	(57.849)
Chứng khoán đầu tư	10	2.020.150	3.190.597
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.020.150	2.540.597
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	650.000
Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	772.811	448.734
Đầu tư dài hạn khác		772.811	448.734
Tài sản cố định		480.524	79.873
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	12.1	423.132	61.984
Nguyên giá tài sản cố định		450.970	69.225
Hao mòn tài sản cố định		(27.838)	(7.241)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	12.2	57.392	17.889
Nguyên giá tài sản cố định		65.675	19.172
Hao mòn tài sản cố định		(8.283)	(1.283)
Tài sản có khác	13	534.599	440.486
Các khoản phải thu	13.1	355.088	135.478
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	155.257	286.985
Tài sản có khác	13.3	24.254	18.023
TỔNG TÀI SẢN		13.494.125	17.174.117

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	Năm 2008 triệu đồng	Năm 2007 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		-	217.172
Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	14	2.062.884	7.268.987
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		2.062.884	6.773.732
Vay của các tổ chức tín dụng khác		-	495.255
Tiền gửi của khách hàng	15	6.673.746	6.776.279
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	366
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro	16	9.564	11.164
Phát hành giấy tờ có giá	17	571.323	204.949
Các khoản nợ khác	18	221.094	216.000
Các khoản lãi, phí phải trả	18.1	163.581	123.127
Các khoản phải trả và công nợ khác	18.2	54.784	91.782
Dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng	9	2.729	1.091
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		<u>9.538.611</u>	<u>14.694.917</u>
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn	20.1	3.854.142	2.300.001
Vốn điều lệ		2.705.882	2.300.000
Thặng dư vốn cổ phần		1.287.831	115.282
Cổ phiếu quỹ		(139.571)	(115.281)
Các quỹ dự trữ	20.2	48.611	39.187
Lợi nhuận chưa phân phối	20.1	<u>52.761</u>	<u>140.012</u>
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20.1	<u>3.955.514</u>	<u>2.479.200</u>
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>13.494.125</u>	<u>17.174.117</u>

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Năm 2008 triệu đồng	Năm 2007 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	34	3.236.046	526.026

Người lập

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám Đốc

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Hùng Mạnh
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2009

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	Năm 2008 triệu đồng	Năm 2007 triệu đồng
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	1.494.819	766.045
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	<u>(1.223.980)</u>	<u>(441.682)</u>
Thu nhập lãi thuần		270.839	324.363
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		45.785	15.274
Chi phí hoạt động dịch vụ		<u>(24.001)</u>	<u>(9.687)</u>
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	21.784	5.587
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	(4.950)	2.515
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	(24.678)	(12.936)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	46.438	102.043
Thu nhập từ hoạt động khác		7.463	142
Chi phí hoạt động khác		<u>(773)</u>	<u>(169)</u>
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	28	6.690	(27)
Lãi từ góp vốn mua cổ phần	29	20.710	-
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		<u>336.833</u>	<u>421.545</u>
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí tiền lương		(92.362)	(49.909)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(27.676)	(7.667)
Chi phí hoạt động khác	30	<u>(126.363)</u>	<u>(88.693)</u>
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		<u>(246.401)</u>	<u>(146.269)</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		90.432	275.276
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(41.927)	(54.595)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	9	<u>16.909</u>	<u>10.085</u>
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		65.414	230.766
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	(15.718)	(69.017)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	19	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		<u>(15.718)</u>	<u>(69.017)</u>
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		<u>49.696</u>	<u>161.749</u>
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (VNĐ) (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)	21	<u>208</u>	<u>1.219</u>

Người lập



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám Đốc

Người phê duyệt




Ông Nguyễn Hùng Mạnh
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	Năm 2008 triệu đồng	Năm 2007 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.626.547	835.473
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.183.526)	(664.148)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		21.784	5.587
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		24.302	165.524
Thu nhập khác		6.690	(27)
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý kinh doanh		(218.657)	(137.374)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	19	<u>(68.401)</u>	<u>(36.518)</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		160.135	168.517
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		3.483.285	(2.997.660)
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		532.032	(2.775.316)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(884)	-
Giảm/(tăng) các khoản cho vay khách hàng		339.154	(5.727.204)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(225.841)	(127.126)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
(Giảm)/tăng các khoản nợ NHNN		(217.172)	194.206
(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và tiền vay các TCTD		(5.206.103)	6.971.301
(Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng		(102.533)	5.225.120
Tăng phát hành giấy tờ có giá		366.374	-
Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro		(1.600)	(5.027)
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(366)	366
Tăng khác về công nợ hoạt động		7.810	236.906
Chi từ các quỹ của ngân hàng	20.1	<u>(12.413)</u>	<u>(793)</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		<u>(878.122)</u>	<u>1.163.290</u>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(427.881)	(80.902)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		10.269	-
Tiền thu do bán khoản đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		74.059	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		<u>(338.836)</u>	<u>-</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		<u>(682.387)</u>	<u>(80.902)</u>

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	Năm 2008 triệu đồng	Năm 2007 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần	20.1	1.578.431	1.262.739
Chi mua cổ phiếu quỹ	20.1	(24.290)	(115.281)
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		<u>(106.113)</u>	<u>(19.488)</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<u>1.448.028</u>	<u>1.127.970</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(112.481)	2.210.358
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	31	<u>3.068.338</u>	<u>857.980</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	31	<u>2.955.857</u>	<u>3.068.338</u>

Người lập

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám Đốc

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Hùng Mạnh
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2009